ĐỘNG CƠ ĐỌC TIẾNG HÀN CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

MOTIVATION FOR READING KOREAN OF VIETNAMESE STUDENTS: REALITY AND SOLUTIONS

Nguyễn Thị Bình Sơn[1*]

[1]*Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng*

[*]Tác giả liên hệ: ntbson@ufl.udn.vn

(Nhận bài: 18/6/2021; Chấp nhận đăng: 23/7/2021)

Tóm tắt - Nghiên cứu về dạy Đọc tiếng Hàn cho sinh viên Việt Nam tương đối ít so với lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, động cơ đọc là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thành tích đọc. Do đó nghiên cứu này tập trung khảo sát thực trạng động cơ đọc tiếng Hàn của sinh viên Việt Nam và đưa ra khuyến nghị. Dựa trên mẫu điều tra 207 sinh viên chuyên ngành, phương pháp thống kê trung bình, kiểm định T-test, kiểm định Cronbach's Alpha được sử dụng để phân tích. Kết quả: (1) Sinh viên Việt Nam có động cơ đọc tiếng Hàn tương đối cao, xếp hạng lần lượt là Tầm quan trọng>Giá trị ngoại tại>Giá trị nội tại>Hiệu quả; (2) Nhóm thành tích cao có động cơ đọc cao hơn, ngoại trừ "Tầm quan trọng", các động cơ còn lại đều có sự khác biệt rõ rệt giữa hai nhóm. Khuyến nghị được đề ra là: (1) Sử dụng bài tập/ câu hỏi phù hợp, khích lệ người học, đồng thời dạy chiến lược đọc; (2) Sử dụng tài liệu đọc đa dạng, thú vị; (3) chú ý khác biệt động cơ đọc.

Từ khóa - Động cơ đọc; đọc tiếng Hàn; người học Việt Nam; năng lực đọc; giảng dạy tiếng Hàn

Abstract - The number of studies on teaching Korean reading for Vietnamese students is quite limited. Besides, reading motivation is one of the most important factors influencing reading proficiency. Therefore, this research aimed at investigating the situation of motivation for reading Korean of Vietnamese students and suggesting several recommendations. Basing on a sample of 207 undergraduates of Korean Language Faculty, the average statistical method, the Independent Samples T-Test, Cronbach's Alpha test were used for analysis. The results showed that: (1) Vietnamese students had a relatively high Korean reading motivation and 4 factors were ranked respectively as "Importance of Reading">"Extrinsic Value of Reading">"Intrinsic Value of Reading">"Reading Efficacy"; (2) Overall, the high-performance group had a higher reading motivation than the low-performance one, in which, except "Importance of Reading", the rest had an obvious difference between the two groups. The recommendations include: (1) Applying appropriate exercises/questions to encourage learners, and teaching reading strategies; (2) Using a variety of interesting reading materials; (3) Paying attention to the difference in reading motivation.

Key words - Reading motivation; Korean reading; Vietnamese students; reading achievement; Korean language education

1. Đặt vấn đề

Sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc vào năm 1992, đến nay Việt Nam đã có tổng 23 trường đại học đào tạo chuyên ngành tiếng Hàn với hơn 15 nghìn sinh viên. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu về việc dạy tiếng Hàn dành cho sinh viên Việt Nam cả trong và ngoài nước chủ yếu tập trung vào từ vựng, kĩ năng Nói hoặc Viết…, số lượng nghiên cứu về lĩnh vực dạy Đọc rất ít. Trong khi đó, việc xử lý đầu vào (input) tương ứng với kĩ năng Nghe và Đọc rất quan trọng trong quá trình học ngoại ngữ. Theo Krashen (1981), dữ liệu đầu vào từ kĩ năng Đọc không chỉ ảnh hưởng đến kĩ năng Viết mà ảnh hưởng đến sự phát triển của cả 4 kĩ năng (dẫn theo Lee [1, tr.33]). Vì vậy nên cần có các nghiên cứu về dạy Đọc tiếng Hàn dành cho người học Việt Nam. Bên cạnh đó, động cơ đọc là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thành tích đọc (Gardner, 1985, 1988; Mori, 2002; Takase, 2007; Wigfield và Guthrie, 1997) (dẫn theo Shin [2, tr.262]). Chính vì vậy, tác giả tiến hành nghiên cứu này với mục đích khảo sát động cơ đọc tiếng Hàn của sinh viên Việt Nam và sự khác biệt động cơ đọc theo thành tích đọc.

2. Cơ sở lí luận

Một trong những vai trò của kĩ năng Đọc trong việc học ngoại ngữ đó là người học có thể vận dụng ngôn ngữ họ gặp vào kĩ năng Nghe và Nói, đồng thời ngôn ngữ mà người học có được thông qua việc đọc cũng có thể được sử dụng vào kĩ năng Viết [3]. Với mối quan hệ chặt chẽ giữa kĩ năng Đọc và các kĩ năng khác như trên, có thể thấy việc thúc đẩy động cơ đọc không chỉ giúp phát triển kĩ năng Đọc mà cũng sẽ tác động đến các kĩ năng còn lại.

Động cơ đọc phản ánh đặc điểm của động cơ thông thường trong lĩnh vực Đọc, vì vậy để xem xét khái niệm động cơ đọc, trước hết cần tìm hiểu khái niệm động cơ thông thường. Wlodkowski [4, tr.12] định nghĩa động cơ là những quá trình có thể: a) Khơi dậy và thúc đẩy hành vi; b) Đưa ra định hướng và mục đích cho hành vi; c) Tiếp tục cho phép hành vi tồn tại; d) Dẫn đến việc lựa chọn hoặc yêu thích một hành vi cụ thể. Theo đó có thể hiểu động cơ đọc là yếu tố khơi dậy, đưa ra định hướng và mục đích, duy trì và thúc đẩy phát triển hành vi đọc.

Wigfield và Guthrie (1995) đã phân loại động cơ đọc tiếng mẹ đẻ thành 3 nhóm chính là "Năng lực và hiệu quả đọc" (Competence and Reading Efficacy), "Giá trị và mục tiêu thành tích" (Achievement Values and Goals) bao gồm "Động cơ bên trong" (Intrinsic motivation) và "Động cơ bên ngoài" (Extrinsic motivation), "Các khía cạnh xã hội của việc đọc" (Social Aspects of Reading) với 11 nội dung chi tiết. Trong đó, "Năng lực và hiệu quả đọc" bao gồm "Hiệu

[1] The University of Da Nang - University of Foreign Language Studies (Nguyen Thi Binh Son)

quả đọc" (reading efficacy), "Thử thách đọc" (reading challenge), "Tránh né đọc" (reading work avoidance); "Động cơ bên trong" bao gồm "Hiếu kì" (reading curiosity), "Say mê" (reading involvement), "Tầm quan trọng của việc đọc" (importance of reading); "Động cơ bên ngoài" bao gồm "Cạnh tranh" (competition in reading), "Công nhận" (reading recognition), "Thành tích" (reading for grades); "Các khía cạnh xã hội của việc đọc" bao gồm "Lí do xã hội" (social reasons for reading) và "Bắt buộc" (reading compliance)) (dẫn theo Mori [5, tr.94]).

Một trong những nghiên cứu đầu tiên về yếu tố cấu thành động cơ đọc ngoại ngữ là nghiên cứu của Mori [5]. Mori [5] đã dựa trên cơ sở lí luận về động cơ đọc tiếng mẹ đẻ của Wigfield và Guthrie [6], [7], loại bỏ những nội dung không liên quan đến đối tượng người học là sinh viên và phân loại lại thành "Giá trị nội tại của việc đọc" (Intrinsic Value of Reading), "Giá trị ngoại tại của việc đọc" (Extrinsic Value of Reading), "Tầm quan trọng của việc đọc" (Importance of Reading) và "Hiệu quả đọc" (Reading Efficacy). Các nhóm này lại chia thành 9 nội dung là "Hiếu kì" (Reading Curiosity), "Say mê" (Reading Involvement), "Tránh né" (Reading Avoidance), "Thử thách" (Reading Challenge), "Bắt buộc" (Reading Compliance), "Định hướng tổng hợp" (Integrative Orientation), "Tầm quan trọng" (Importance of Reading), "Thành tích" (Reading for Grades), "Hiệu quả" (Reading Efficacy).

Sau Mori, các nghiên cứu về yếu tố của động cơ đọc ngoại ngữ có thể kể đến Takase Takase [8], Jung [9] và Kim [10]. Tuy nhiên, cho đến hiện tại, không chỉ trong lĩnh vực động cơ đọc tiếng Anh mà đa phần các nghiên cứu về động cơ đọc tiếng Hàn đều sử dụng kết quả nghiên cứu của Mori để đánh giá động cơ đọc của người học [11, 2, 12, 13]. Thêm vào đó, nghiên cứu của Mori cũng đã chú ý đến đặc điểm sinh viên là người học trưởng thành. Chính vì vậy, trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phân loại động cơ đọc của Mori để quan sát động cơ đọc tiếng Hàn của sinh viên Việt Nam.

3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả đã tiến hành khảo sát trên 207 sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn của trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, độ tuổi từ 19~22, đang học năm 1 đến năm 3, tương ứng với trình độ từ sơ cấp đến cao cấp. Lí do học tiếng Hàn của các sinh viên này lần lượt là quan tâm đến Hàn Quốc (50,73%), xin việc (36,23%), sở thích (8,21%), du học (3,38%), khác (1,45%). Điều này cho thấy, đa phần người học tiếng Hàn xuất phát từ việc yêu thích văn hoá Hàn quốc hoặc âm nhạc, phim ảnh Hàn Quốc… Trong nghiên cứu này, thành tích của người học là điểm môn Đọc học kì gần nhất trên thang điểm 10. Dựa vào thành tích này, đối tượng nghiên cứu được chia làm nhóm thành tích cao có điểm từ 8,0 trở lên và nhóm thành tích thấp có điểm dưới 8,0[2]. Nhóm thành tích cao có 117 sinh viên (56,52%), nhóm thành tích thấp có 90 sinh viên (43,48%).

Để phân tích động cơ đọc tiếng Hàn của người học, bài viết dựa trên các biến quan sát của Mori [5] để thiết kế phiếu khảo sát với các câu hỏi phù hợp đối tượng sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn. Đối tượng khảo sát bắt đầu học tiếng Hàn từ sau khi nhập học đại học nên tác giả loại trừ 2 biến quan sát liên quan đến việc học ngoại ngữ ở trung học cơ sở và trung học phổ thông. Theo đó, bảng hỏi của nghiên cứu này bao gồm 28 biến, được chia thành 4 nhóm động cơ là "Giá trị nội tại của việc đọc", "Giá trị ngoại tại của việc đọc", "Tầm quan trọng của việc đọc" và "Hiệu quả đọc". Trong đó, "Giá trị nội tại của việc đọc" bao gồm các nhân tố "Hiếu kì", "Say mê", "Tránh né", "Thử thách"; "Giá trị ngoại tại của việc đọc" bao gồm "Bắt buộc" và "Định hướng tổng hợp". Tuy nhiên, trong nghiên cứu của Mori, số biến quan sát của các nhân tố "Thử thách", "Bắt buộc" và "Hiệu quả" quá ít, chỉ từ 1 đến 2 biến, điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả phân tích. Vậy nên để hiệu chỉnh phiếu khảo sát, tác giả đã tiến hành khảo sát thí điểm 10 sinh viên và phỏng vấn về các nhân tố "Thử thách", "Bắt buộc" và "Hiệu quả". Sau khi hiệu chỉnh phiếu khảo sát bao gồm tổng cộng 35 biến, cụ thể tác giả đã thêm 3 biến của nhân tố "Thử thách", 1 biến của nhân tố "Bắt buộc" và 3 biến của nhân tố "Hiệu quả"[3]. Ngoài ra để thuận tiện cho việc phân tích kết quả, tác giả cũng đã điều chỉnh thứ tự các câu so với Mori [5]. Các biến được đánh giá bằng thang đo Likert 5 với 1 "hoàn toàn không đồng ý", 2 "không đồng ý", 3 "bình thường", 4 "đồng ý", 5 "hoàn toàn đồng ý". Cấu trúc phiếu khảo sát được tổng hợp ở Bảng 1.

Bảng 1. *Cấu trúc phiếu khảo sát*

Thành phần của động cơ đọc		**Biến**
Giá trị nội tại của việc đọc	Hiếu kì	HK1, HK2, HK3, HK4, HK5
	Say mê	SM1, SM2, SM3
	Tránh né	TN1, TN2, TN3
	Thử thách	TT1, TT2, TT3, TT4
Giá trị ngoại tại của việc đọc	Định hướng tổng hợp	TH1, TH2, TH3, TH4, TH5, TH6, TH7
	Bắt buộc	BB1, BB2, BB3
Tầm quan trọng của việc đọc		QT1, QT2, QT3, QT4, QT5
Hiệu quả đọc		HQ1, HQ2, HQ3, HQ4, HQ5
Tổng		**35 câu**

Dữ liệu sau khi thu thập được xử lí bằng phần mềm SPPP 26.0. Kết quả đánh giá các biến tiêu cực[4] được đảo ngược để phân tích các nhân tố. Nghiên cứu sử dụng giá trị trung bình từng biến quan sát để phân tích động cơ đọc của người học, đồng thời kiểm chứng độ tin cậy bằng Cronbach α, và sử dụng kiểm định giả thuyết về trị trung bình của 2 tổng thể độc lập (Independent Samples T-Test) để phân tích sự khác biệt động cơ đọc giữa hai nhóm.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng động cơ đọc

Kết quả khảo sát động cơ đọc tiếng Hàn của sinh viên Việt Nam được thể hiện ở Bảng 2. Giá trị trung bình của động cơ đọc tổng thể là 3,57, tương đối cao. Kết quả trung bình của từng biến cho thấy, biến QT5 "Đọc tiếng Hàn phí thời gian" có giá trị trung bình sau khi đảo ngược là 4,17,

[2] Trung bình điểm của 207 sinh viên khảo sát là 8,0

[3] Các câu được thêm vào là TT2, TT3, TT4, BB3, HQ3, HQ4, HQ5

[4] Biến tiêu cực là các câu hỏi có nội dung ngược lại với đa số các câu khác. Trong khảo sát này, biến tiêu cực là các câu TN1*, TN2*, TN3*, TH6*, BB1*, BB2*, BB3*, QT1*, QT5*, HQ2*.

cao nhất. Kế tiếp là biến QT2 "Học Đọc tiếng Hàn quan trọng vì nó giúp ích cho việc học tiếng Hàn" với giá trị trung bình 4,16. Điều này cho thấy sinh viên Việt Nam coi trọng việc học Đọc tiếng Hàn và công nhận tầm quan trọng của việc đọc.

Trái lại, biến HQ1 "Tôi đọc hiểu bằng tiếng Hàn tốt" có bình quân thấp nhất 2,87. Việc đối tượng khảo sát của nghiên cứu cho rằng năng lực đọc của bản thân ở mức trung bình có thể kiểm chứng thông qua thành tích đọc trung bình là 7,98. Bên cạnh đó, biến HK3 "Tôi thích đọc tiểu thuyết tiếng Hàn" ở vị trí ngay sau với 2,94. Kết quả này cho thấy người học tiếng Hàn không thích thú với những tiểu thuyết dài và có nội dung khó.

Bên cạnh đó, trong số 4 nhóm động cơ, trung bình của "Tầm quan trọng của việc đọc" cao nhất 3,91, tiếp theo là "Giá trị ngoại tại của việc đọc" 3,68, "Giá trị nội tại của việc đọc" 3,45, cuối cùng là "Hiệu quả đọc" 3,37. Ngoài ra, độ tin cậy của tất cả 35 biến đều trên 0,4, độ tin cậy của 4 nhóm động cơ cũng trên 0,6. Qua đó có thể xem như không có biến nào có vấn đề và cần loại bỏ.

Bảng 2. *Kết quả khảo sát động cơ đọc tiếng Hàn*

Nội dung	Trung bình	α
1. Giá trị nội tại của việc đọc	**3,45**	**0,863**
Hiếu kì	**3,39**	**0,776**
HK1. Tôi hy vọng thông qua việc học Đọc tiếng Hàn, tôi sẽ có thể đọc các tiểu thuyết Hàn Quốc.	3,57	0,495
HK2. Dù Đọc không phải là môn học bắt buộc, tôi vẫn sẽ học môn này.	3,85	0,441
HK3. Tôi thích đọc tiểu thuyết tiếng Hàn.	2,94	0,500
HK4. Tôi học Đọc tiếng Hàn vì muốn có thể đọc báo/tạp chí Hàn Quốc.	3,43	0,707
HK5. Tôi thích đọc báo/tạp chí Hàn Quốc.	3,16	0,638
Say mê	3,48	0,725
SM1. Tôi rất thích những câu chuyện thú vị dù chúng được viết bằng tiếng Hàn.	3,61	0,476
SM2. Đọc tiếng Hàn thú vị.	3,56	0,641
SM3. Tôi rất thích đọc tiếng Hàn.	3,28	0,538
Tránh né	**3,51**	**0,947**
TN1*. Những đoạn văn tiếng Hàn dài và khó làm tôi thấy chán nản.	3,40	0,892
TN2*. Tôi không có hứng thú với việc đọc tiếng Hàn dù nội dung thú vị.	3,67	0,893
TN3*. Việc đọc bằng tiếng Hàn đối với tôi là một cực hình.	3,46	0,893
Thử thách	3,47	0,872
TT1. Tôi thích thử thách với những đoạn tiếng Hàn khó.	3,12	0,764
TT2. Tôi muốn thử thách với những đoạn tiếng Hàn có độ dài khác nhau.	3,12	0,705
TT3. Tôi muốn thử thách với những đoạn tiếng Hàn có chủ đề đa dạng.	3,93	0,708
TT4. Tôi muốn thử thách với nhiều loại văn bản tiếng Hàn khác nhau.	3,70	0,831
2. Giá trị ngoại tại của việc đọc	**3,68**	**0,929**
Định hướng tổng hợp	**3,75**	**0,881**
TH1. Việt Nam và Hàn Quốc có mối quan hệ thân thiết nên việc học Đọc tiếng Hàn là cần thiết.	3,61	0,681
TH2. Tôi học Đọc tiếng Hàn vì có thể tôi sẽ đi du học trong tương lai.	3,33	0,690
TH3. Tôi muốn hiểu rõ hơn về văn hoá và sinh hoạt của Hàn Quốc thông qua việc đọc bằng tiếng Hàn.	3,87	0,716
TH4. Tôi muốn tìm được một công việc có thể sử dụng được những gì tôi đã học trong môn Đọc tiếng Hàn.	4,03	0,658
TH5. Học Đọc tiếng Hàn giúp tôi biết nhiều ý kiến, quan niệm khác nhau.	4,03	0,709
TH6*. Tôi nghĩ học Nói/Nghe quan trọng hơn học Đọc tiếng Hàn.	3,39	0,547
TH7. Học đọc tiếng Hàn giúp tôi có thể tìm kiếm thông tin trên mạng.	3,99	0,728
Bắt buộc	**3,51**	**0,950**
BB1*. Tôi học Đọc tiếng Hàn chỉ bởi vì nó là môn học bắt buộc.	3,41	0,901
BB2*. Nếu không phải là bài tập bắt buộc phải làm thì tôi sẽ không đọc bằng tiếng Hàn.	3,67	0,891
BB3*. Tôi chỉ đọc những văn bản tiếng Hàn mà giáo viên giới thiệu.	3,46	0,902
3. Tầm quan trọng của việc đọc	**3,91**	**0,874**
QT1*. Tôi học Đọc tiếng Hàn chỉ bởi vì tôi muốn được điểm cao.	3,26	0,507
QT2. Học Đọc tiếng Hàn quan trọng vì nó giúp ích cho việc học tiếng Hàn.	4,16	0,778
QT3. Học đọc tiếng Hàn quan trọng vì nó sẽ mở rộng tầm nhìn của tôi.	3,94	0,722
QT4. Đọc tiếng Hàn quan trọng vì nó sẽ giúp tôi có nhiều tri thức hơn.	4,02	0,835
QT5*. Đọc tiếng Hàn phí thời gian.	4,17	0,740
4. Hiệu quả đọc	**3,37**	**0,866**
HQ1. Tôi đọc hiểu bằng tiếng Hàn tốt.	2,87	0,670
HQ2*. Đọc tiếng Hàn là môn tôi tệ.	3,31	0,721
HQ3. Tôi có thể hiểu hết những gì tôi đọc.	3,42	0,769
HQ4. Tôi thích giờ học Đọc.	3,44	0,829
HQ5. Tôi cảm thấy tự tin trong giờ Đọc.	3,81	0,575
Tổng	**3,57**	

4.2. Sự khác biệt động cơ đọc theo thành tích

Để xem xét liệu động cơ đọc của hai nhóm thành tích có sự khác biệt hay không, tác giả đã dùng T-test để kiểm tra sự khác biệt giá trị trung bình của hai nhóm. Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, động cơ đọc tổng thể của nhóm thành tích cao có giá trị trung bình cộng cao hơn nhóm thành tích thấp và sự khác biệt này có ý nghĩa (t=3,32***).

Đồng thời, trong từng nhóm động cơ, trung bình cộng của nhóm thành tích cao cũng cao hơn so với nhóm thành thích thấp. Trong 4 nhóm động cơ đọc, sự khác biệt giữa hai nhóm đối với "Giá trị nội tại của việc đọc" (t=3,19**),

"Giá trị ngoại tại của việc đọc" (t=2,03*), "Hiệu quả đọc" (t=6,10***) đều có ý nghĩa. Vậy nên cần quan tâm hơn về động cơ đọc bên trong và bên ngoài để nâng cao thành tích đọc tiếng Hàn của sinh viên. Ngoài ra, người học có năng lực yếu hơn thường không tích cực tham gia vào giờ học và ngại nêu lên ý kiến cá nhân. Vì vậy người dạy cần giúp người học tối thiểu hoá sự bất an và tự tin đọc các tài liệu bằng tiếng Hàn.

Bảng 3. *Động cơ đọc tiếng Hàn theo thành tích*

Nhóm động cơ	Trung bình		t
	Thành tích cao	Thành tích thấp	
Giá trị nội tại	3,55	3,33	3,19**
Giá trị ngoại tại	3,76	3,57	2,03*
Tầm quan trọng	3,94	3,87	0,810
Hiệu quả đọc	3,65	3,02	6,10***
Tổng	**3,68**	**3,43**	**3,32*** **

**p<0,05, **p<0,01, ***p<0,001*

4.2.1. Giá trị nội tại của việc đọc

"Giá trị nội tại của việc đọc" bao gồm "Hiếu kì", "Say mê", "Tránh né", "Thử thách" (Bảng 4). Nhìn vào sự khác biệt 4 nhân tố giữa hai nhóm sinh viên, có thể thấy nhóm thành tích cao có trung bình cộng cao hơn nhóm thành tích thấp đối với nhân tố "Tránh né" (t=2,71**) và "Thử thách" (t=3,87***) và sự khác biệt này có ý nghĩa.

Bảng 4. *Kết quả của động cơ "Giá trị nội tại"*

Nội dung	Trung bình		t
	Thành tích cao	Thành tích thấp	
Hiếu kì	**3,44**	**3,31**	**1,67**
HK1. Tôi hy vọng thông qua việc học Đọc tiếng Hàn, tôi sẽ có thể đọc các tiểu thuyết Hàn Quốc.	3,59	3,53	0,52
HK2. Dù Đọc không phải là môn học bắt buộc, tôi vẫn sẽ học môn này.	3,85	3,83	0,16
HK3. Tôi thích đọc tiểu thuyết tiếng Hàn.	3,07	2,77	3,12**
HK4. Tôi học Đọc tiếng Hàn vì muốn có thể đọc báo/tạp chí Hàn Quốc.	3,45	3,40	0,47
HK5. Tôi thích đọc báo/tạp chí Hàn Quốc.	3,26	3,03	2,16*
Say mê	**3,51**	**3,45**	**0,63**
SM1. Tôi rất thích những câu chuyện thú vị dù chúng được viết bằng tiếng Hàn.	3,63	3,59	0,35
SM2. Đọc tiếng Hàn thú vị.	3,60	3,50	0,89
SM3. Tôi rất thích đọc tiếng Hàn.	3,29	3,27	0,23
Tránh né	**3,67**	**3,31**	**2,71****
TN1. Những đoạn văn tiếng Hàn dài và khó làm tôi thấy chán nản.	3,64	3,09	3,96***
TN2. Tôi không có hứng thú với việc đọc tiếng Hàn dù nội dung thú vị.	3,78	3,53	1,98*
TN3. Việc đọc bằng tiếng Hàn đối với tôi là một cực hình.	3,58	3,31	1,80
Thử thách	**3,61**	**3,28**	**3,87*****
TT1. Tôi thích thử thách với những đoạn tiếng Hàn khó.	3,14	3,10	0,34
TT2*. Tôi muốn thử thách với những đoạn tiếng Hàn có độ dài khác nhau.	3,18	3,04	2,06*
TT3*. Tôi muốn thử thách với những đoạn tiếng Hàn có chủ đề đa dạng.	4,30	3,44	8,28***
TT4*. Tôi muốn thử thách với nhiều loại văn bản tiếng Hàn khác nhau.	3,83	3,53	2,66**

**p<0,05, **p<0,01, ***p<0,001*

Trong nhân tố "Tránh né", ở biến TN1 "Những đoạn văn tiếng Hàn dài và khó không làm tôi thấy chán nản", trung bình cộng của nhóm thành tích cao là 3,64 và nhóm thành tích thấp là 3,09. Điều này cho thấy, các sinh viên có thành tích cao có thái độ tích cực đối với những đoạn văn tiếng Hàn dài và khó (t=3,96***). Điều này cũng thể hiện ở biến TN2 "Tôi có hứng thú với việc đọc tiếng Hàn nếu nội dung thú vị" (t=1,98*). Tuy nhiên ở biến này, giá trị trung bình của 2 nhóm thành tích cao và thành tích thấp lần lượt là 3,78 và 3,53, đều ở mức "bình thường"[5]. Vậy nên, có thể nói, đối tượng khảo sát không thật sự tránh né các bài đọc tiếng Hàn. Với kết quả này, để giảm mức độ thoái thác, tránh né việc đọc, người dạy có thể bắt đầu bằng các văn bản phi tuyến tính (non-linear text)[6], sau khi người học làm quen với việc đọc bằng tiếng Hàn mới tăng dần độ khó và độ dài của văn bản. Đồng thời, để người học có thể dần thích nghi với các văn bản đọc có độ khó và độ dài cao hơn, người dạy có thể sử dụng các văn bản có độ dài tăng dần nhưng cùng chủ đề với các văn bản người học đã được tiếp xúc trong quá trình học hoặc các văn bản có chủ đề khó hơn nhưng ngắn hơn. Bên cạnh đó, việc dạy các chiến lược đọc cũng sẽ giúp người học khắc phục những khó khăn gặp phải trong quá trình đọc do kiến thức ngôn ngữ hạn chế.

Kết quả đánh giá nhân tố "Thử thách" cho thấy, ngoại trừ độ khó, giữa hai nhóm đối tượng có sự khác biệt có ý nghĩa đối với việc thử thách về độ dài, chủ đề và loại văn bản. Giá trị trung bình của các sinh viên có thành tích cao hơn ở các biến TT2, TT3, TT4 lần lượt là 3,18; 4,30; 3,83. Trong khi đó, trung bình của nhóm thành tích thấp là 3,04; 3,44;, 3,53, giá trị kiểm định t lần lượt là 2,06*; 8,28***; 2,66**. Điều này cho thấy, tất cả sinh viên đều thích những bài đọc dễ, tuy nhiên những sinh viên có năng lực cao hơn có thái độ tích cực đối

[5] Ý nghĩa biên độ của thang đo Likert: 1,00 – 1,80: Hoàn toàn không đồng ý; 1,81 – 2,60: Không đồng ý; 2,61 – 3,40: Bình thường; 3,41 – 4,20: Đồng ý; 4,21 – 5,00: Hoàn toàn đồng ý

[6] Văn bản phi tuyến tính thường bao gồm các lưu đồ, biểu đồ, đồ thị, hình ảnh…, người đọc không cần phải đọc từ đầu đến cuối như các văn bản tuyến tính truyền thống mà có thể chọn bất cứ nội dung nào để đọc.

với việc thử sức những bài đọc có độ dài, chủ đề và thể loại khác với các bài đọc thông thường hơn. Kết quả của hai biến HK3 và HK5 của nhân tố "Hiếu kì" cũng cho thấy, nhóm có thành tích tốt hơn có xu hướng thích đọc các loại tiểu thuyết, báo, tạp chí… hơn nhóm còn lại. Dựa trên kết quả này, có thể áp dụng các hoạt động đọc mở rộng (Extensive Reading) trong quá trình giảng dạy để nâng cao động cơ đọc của người học, thông qua đó nâng cao năng lực đọc.

4.2.2. Giá trị ngoại tại của việc đọc

"Giá trị ngoại tại của việc đọc" bao gồm nhân tố "Định hướng tổng hợp" và "Bắt buộc". Trung bình của nhóm thành tích cao của nhân tố "Định hướng tổng hợp" cao hơn so với nhóm thành tích thấp, nhưng sự khác biệt giữa hai nhóm không có ý nghĩa, nên có thể thấy ảnh hưởng của các biến như quan hệ hai nước, du học hoặc mục đích xin việc đối với hai nhóm không có sự khác biệt rõ rệt. Và chỉ có sự khác biệt của nhân tố "Bắt buộc" có ý nghĩa (t=2,48*). Trung bình của nhóm thành tích cao là 3,65, nhóm thành tích thấp là 3,33, đồng nghĩa với việc các sinh viên có năng lực cao hơn tự giác học Đọc hơn.

Bảng 5. *Kết quả của động cơ "Giá trị ngoại tại"*

Nội dung	Trung bình		t
	Thành tích cao	Thành tích thấp	
Định hướng tổng hợp	**3,81**	**3,68**	**1,52**
TH1. Việt Nam và Hàn Quốc có mối quan hệ thân thiết nên việc học Đọc tiếng Hàn là cần thiết.	3,62	3,60	0,15
TH2. Tôi học Đọc tiếng Hàn vì có thể tôi sẽ đi du học trong tương lai.	3,38	3,27	0,80
TH3. Tôi muốn hiểu rõ hơn về văn hoá và sinh hoạt của Hàn Quốc thông qua việc đọc bằng tiếng Hàn.	3,98	3,73	1,91
TH4. Tôi muốn tìm được một công việc có thể sử dụng được những gì tôi đã học trong môn Đọc tiếng Hàn.	4,08	3,98	0,87
TH5. Học Đọc tiếng Hàn giúp tôi biết nhiều ý kiến, quan niệm khác nhau.	4,05	4,00	0,50
TH6*. Tôi nghĩ học Nói/ Nghe quan trọng hơn học Đọc tiếng Hàn.	3,49	3,27	1,85
TH7. Học Đọc tiếng Hàn giúp tôi có thể tìm kiếm thông tin trên mạng.	4,05	3,90	1,53
Bắt buộc	**3,65**	**3,33**	**2,48***
BB1*. Tôi học Đọc tiếng Hàn chỉ bởi vì nó là môn học bắt buộc.	3,64	3,1	3,87***
BB2*. Nếu không phải là bài tập bắt buộc phải làm thì tôi sẽ không đọc bằng tiếng Hàn.	3,78	3,53	1,98*
BB3*. Tôi chỉ đọc những văn bản tiếng Hàn mà giáo viên giới thiệu.	3,54	3,37	1,22

**p<0,05, **p<0,01, ***p<0,001*

Kết quả đánh giá của nhân tố "Bắt buộc" cho thấy, trung bình của hai biến BB1 "Tôi vẫn học Đọc tiếng Hàn dù không phải là môn học bắt buộc" và BB2 "Dù không phải là bài tập bắt buộc phải làm, tôi vẫn sẽ đọc bằng tiếng Hàn" của nhóm thành tích cao cao hơn nhóm thành tích thấp, và sự khác biệt này có ý nghĩa (t=3,87***, t=1,98*). Nói cách khác, những sinh viên có thành tích cao không hoàn toàn phụ thuộc vào giáo viên mà sẽ chủ động tham gia vào giờ học Đọc và các hoạt động đọc. Mặt khác, sự khác biệt giữa hai nhóm của biến BB3 "Tôi không chỉ đọc những văn bản tiếng Hàn mà giáo viên giới thiệu" không có ý nghĩa (t=1,22). Tuy nhiên, theo ý nghĩa biên độ thang đo có thể thấy so với nhóm thành tích thấp (3,37), nhóm thành tích cao (3,54) thường xuyên tìm các tài liệu đọc khác ngoài tài liệu học được cung cấp.

4.2.3. Tầm quan trọng của việc đọc

Nhìn vào kết quả tất cả các biến của "Tầm quan trọng của việc đọc" ở Bảng 6 có thể thấy, giữa hai nhóm không có sự khác biệt có ý nghĩa. Và ngoại trừ QT1, các biến còn lại đều ở mức "bình thường". Điều này cho thấy, thành tích là yếu tố sinh viên ngành tiếng Hàn quan tâm và cả hai nhóm thành tích đều nhận thức rõ tầm quan trọng của việc học Đọc.

Bảng 6. *Kết quả của động cơ "Tầm quan trọng của việc đọc"*

Nội dung	Trung bình		t
	Thành tích cao	Thành tích thấp	
QT1*. Tôi học Đọc tiếng Hàn chỉ bởi vì tôi muốn được điểm cao.	3,27	3,23	0,31
QT2. Học Đọc tiếng Hàn quan trọng vì nó giúp ích cho việc học tiếng Hàn.	4,21	4,10	1,09
QT3. Học đọc tiếng Hàn quan trọng vì nó sẽ mở rộng tầm nhìn của tôi.	3,96	3,92	3,90
QT4. Đọc tiếng Hàn quan trọng vì nó sẽ giúp tôi có nhiều tri thức hơn.	4,03	4,01	0,23
QT5*. Đọc tiếng Hàn phí thời gian.	4,23	4,10	1,15

**p<.05, **p<.01, ***p<.001*

4.2.4. Hiệu quả đọc

Trái ngược với "Tầm quan trọng của việc đọc", tất cả các biến của "Hiệu quả đọc" đều có sự khác biệt có ý nghĩa. Biến HQ1 "Tôi đọc hiểu bằng tiếng Hàn tốt", trung bình của nhóm thành tích cao là 2,98, nhóm thành tích thấp là 2,73, khác biệt có ý nghĩa (t=2,93**). Kết quả này đồng nghĩa với việc năng lực đọc tiếng Hàn càng cao thì người học càng tự tin hơn đối với việc đọc. Mối tương quan này có thể kiểm chứng ở kết quả của biến HQ2 (t=13,19***) và HQ5 (t=4,18***). Bên cạnh đó, sự khác biệt có ý nghĩa ở biến HQ3 (t=2,24*) và HQ4 (t=2,85**) cho thấy, người học có thành tích cao hiểu rõ năng lực đọc của bản thân và tham gia vào giờ học một cách hứng thú hơn. Dựa trên điểm này, việc đưa ra các bài tập hoặc câu hỏi phù hợp với mức độ của người học và thông qua khích lệ giúp người học có thể thoải mái tham gia vào giờ học sẽ giúp cải thiện thành tích.

Bảng 7. *Kết quả của động cơ "Hiệu quả đọc"*

Nội dung	Trung bình		t
	Thành tích cao	Thành tích thấp	
HQ1. Tôi đọc hiểu bằng tiếng Hàn tốt.	2,98	2,73	2,93**
HQ2*. Đọc tiếng Hàn là môn tôi tệ.	4,04	2,37	13,19***
HQ3. Tôi có thể hiểu hết những gì tôi đọc.	3,54	3,27	2,24*
HQ4. Tôi thích giờ học Đọc.	3,60	3,24	2,85**
HQ5. Tôi cảm thấy tự tin trong giờ học Đọc.	4,07	3,47	4,18***

*p<0,05, **p<0,01, ***p<0,001

5. Kết luận

Dựa trên các lý thuyết liên quan đến động cơ đọc và các nghiên cứu đi trước liên quan đến chủ đề nghiên cứu, tác giả đã tiến hành xây dựng thang đo với 4 nhóm động cơ chính bao gồm: (1) Giá trị nội tại của việc đọc, (2) Giá trị ngoại tại của việc đọc, (3) Tầm quan trọng của việc đọc, (4) Hiệu quả đọc. Tiếp theo, tác giả tiến hành lập bảng khảo sát và tiến hành khảo sát động cơ đọc tiếng Hàn của sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn. Với dữ liệu thu thập được, tác giả tiến hành sử dụng phần mềm SPSS 26 phân tích và thu được các kết quả sau. *Thứ nhất*, sinh viên Việt Nam có động cơ đọc tiếng Hàn tương đối cao, đồng thời cũng coi trọng việc học Đọc tiếng Hàn và và công nhận tầm quan trọng của việc đọc. Tuy nhiên lại không thích thú với những tiểu thuyết dài và khó. Xếp hạng 4 nhóm động cơ lần lượt là "Tầm quan trọng" > "Giá trị ngoại tại" > "Giá trị nội tại" > "Hiệu quả". *Thứ hai*, tổng thể nhóm thành tích cao có trung bình cao hơn nhóm thành tích thấp và sự khác biệt này có ý nghĩa. Trong số các động cơ đọc, "Giá trị nội tại", "Giá trị ngoại tại", "Hiệu quả đọc" có sự khác biệt có ý nghĩa giữa hai nhóm thành tích. Kết quả này đồng nhất với kết luận năng lực cao tương ứng với động cơ giá trị nội tại và hiệu quả đọc sẽ cao trong nghiên cứu của Shin [2]. Cụ thể kết quả phân tích động cơ "giá trị nội tại" cho thấy sinh viên có thành tích cao có thái độ tích cực đối với những đoạn văn tiếng Hàn dài và khó, đồng thời cũng tỏ ra sẵn sàng thử sức với những bài đọc có độ dài, chủ đề và loại hình văn bản khác với các bài đọc thường gặp trong giáo trình. Trong khi đó, kết quả phân tích nhân tố "thử thách" cho thấy ảnh hưởng của các biến như quan hệ hai nước, du học hoặc mục đích xin việc không có sự khác biệt rõ rệt đối với hai nhóm thành tích. Tuy nhiên, những sinh viên có thành tích cao chủ động tham gia vào giờ học Đọc và các hoạt động đọc mà ít phụ thuộc vào giáo viên hơn. Mặt khác, những sinh viên này cũng thường xuyên tìm các tài liệu đọc ngoài. Cuối cùng, trong khi kết quả phân tích động cơ "Tầm quan trọng của việc đọc" cho thấy, thành tích là yếu tố sinh viên tiếng Hàn quan tâm và cả hai nhóm thành tích đều nhận thức rõ tầm quan trọng của việc học Đọc thì kết quả động cơ "Hiệu quả đọc" chỉ ra rằng năng lực đọc tiếng Hàn càng cao thì người học càng tự tin hơn đối với việc đọc, đồng thời cũng hiểu rõ năng lực đọc của bản thân và có hứng thú tham gia vào giờ học cao hơn.

Dựa trên kết quả thu được, tác giả có các khuyến nghị như sau. Thứ nhất, để thúc đẩy động cơ "Hiệu quả đọc" đang ở mức thấp nhất, cần nâng cao sự tự tin và tính độc lập của sinh viên đối với việc học Đọc tiếng Hàn bằng cách đưa ra các bài tập hoặc câu hỏi phù hợp với mức độ của người học và thông qua khích lệ giúp người học có thể thoải mái tham gia vào giờ học. Bên cạnh đó, việc dạy các chiến lược đọc cũng sẽ giúp cho người học chủ động hơn trong quá trình đọc. Thứ hai, cần chú ý sử dụng các tài liệu đọc đa dạng và thú vị. Ngoài tài liệu đọc truyền thống như giáo trình hoặc truyện, tiểu thuyết, có thể sử dụng các phương tiện truyền thông thực tế. Điều này sẽ giúp người học vốn quan tâm, yêu thích văn hoá, phim ảnh, âm nhạc Hàn Quốc hào hứng tham gia vào giờ học. Các văn bản phi tuyến tính cũng sẽ giúp người học cấp độ thấp hoặc năng lực yếu bước đầu làm quen với việc đọc. Thứ ba, cần quan tâm đến sự khác biệt động cơ đọc của người học. Theo như kết quả khảo sát cho thấy, người học có động cơ đọc khác nhau, và điều này có tương quan với thành tích đọc. Vì vậy để thúc đẩy động cơ đọc ở người học, cần điều chỉnh độ khó, độ dài văn bản tăng dần phù hợp với trình độ người học, hoặc có thể khuyến khích người học đọc mở rộng để thử thách với những văn bản có độ dài, chủ đề, thể loại khác với giáo trình thường gặp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] J. Y. Lee, *"Nghiên cứu xây dựng giáo trình Đọc tiếng Hàn dựa trên siêu văn bản (hypertext)"*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Yonsei, Luận văn Thạc sĩ, Hàn Quốc, 2004.

[2] H. J. Shin, "Phân tích năng lực và động cơ đọc tiếng Hàn của người học nước ngoài", *The Korean society of Bilingualism*, Vol. 52, 261-282, 2013.

[3] E. Williams, *Reading in a Language Classroom*, London: Macmillan, 1984.

[4] R. J. Wlodkowski, *Motivation and teaching*, Washington, D.C.: National Education Association, 1984.

[5] S. Mori, "Redefining Motivation to Read in a Foreign Language", *Reading in a Foreign Language*, 14(2), 91-110, 2002.

[6] Wigfield, A. & Guthrie, J. T. *Dimensions of children's motivations for reading: An initial study* (Research Rep. No. 34). Athens, GA: National Reading Research Center, 1995.

[7] Wigfield, A. & Guthrie J. T., Relations of children's motivation for reading to the amount and breadth of their reading. *Journal of Educational Psychology*, 89, 420-432, 1997.

[8] A. Takase, "Japanese high school students' motivation for extensive L2 reading", *Reading in a Foreign Language*, 19, 1-18, 2007.

[9] S. H. Jung, "University students' motivation to read in English as a foreign language", *Foreign Language Education*, 15(2), 219-239, 2008.

[10] K. J. Kim, "Reading motivation in two languages: an examination of EFL college students in Korea", *Reading and Writing*, 24(8), 861-881, 2010.

[11] H. S. Lee, "Nghiên cứu về mối quan hệ giữa động cơ đọc, bất an đọc và kĩ năng đọc tiếng Hàn", Luận văn Tiến sĩ, Đại học Yeungnam, Hàn Quốc, 2012.

[12] H. G. Jeon, "Nghiên cứu yếu tố thành phần của động cơ đọc của người học tiếng Hàn với mục đích học thuật", *The Korean society of Bilingualism*, No.05, 255-286, 2015.

[13] H. J. Oh, *"Nghiên cứu ảnh hưởng của chiến lược tóm tắt sử dụng graphic organizer đến khả năng đọc hiểu và động lực đọc tiếng Hàn: đối tượng người Kazakhstan trình độ sơ-trung cấp"*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Kyung Hee Cyber, Hàn Quốc, 2019.